

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY**TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****TẠI KỲ HỌP BẤT THƯỜNG NGÀY 17.7.2021**

*(Kèm theo Tờ trình số 24/2021/ HĐQT.K5-CFC ngày 03 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng quản trị)*

I. Sửa đổi Khoản 1 Điều 1: Giải thích từ ngữ trong Điều lệ**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

a. *Vốn điều lệ* là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và do tích lũy từ hiệu quả trong quá trình hoạt động, được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

c. *Ngày thành lập* là ngày 02 tháng 07 năm 2001 theo quyết định số 372-QĐ/TTg ngày 02 tháng 07 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

d. *Cán bộ quản lý* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

e. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

f. *Thời hạn hoạt động* là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

g. *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

h. *Hội đồng* là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

i. *Chủ tịch* là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

j. *Đại hội đồng* là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

k. *Cổ đông* là các cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần.

l. *Địa bàn kinh doanh* là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

m. *Pháp luật* là các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03/06/2008.

2. ...

Sửa đổi lại là:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

a. *Vốn điều lệ* là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và do tích lũy từ hiệu quả trong quá trình hoạt động, được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b. *Vốn có quyền biểu quyết* là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. (Điều 4.23-LDN)

c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

d. *Ngày thành lập* là ngày 02 tháng 07 năm 2001 theo quyết định số 372-QĐ/TTg ngày 02 tháng 07 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

e. *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. (Điều 4.24 –LDN)

f. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều **4.23** của Luật Doanh nghiệp.

g. *Thời hạn hoạt động* là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

h. *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

i. *Hội đồng* là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

j. *Chủ tịch* là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

k. *Đại hội đồng* là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

l. *Cổ đông* là các cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần.

m. *Địa bàn kinh doanh* là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

n. *Pháp luật* là các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 20/06/2015.

2. ...

II. Sửa đổi Khoản 1, 2, 6 Điều 5 : Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là **24.436.800.000 VNĐ** (bằng chữ: **Hai mươi bốn tỷ, bốn trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm ngàn** đồng Việt Nam). Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành **2.443.680** cổ phần (**hai triệu, bốn trăm, bốn mươi ba ngàn, sáu trăm tám mươi** cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (mười ngàn đồng/cổ phần).

2. Công ty có thể **tăng** vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. **Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.**

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Sửa đổi lại là:

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là 22.342.800.000 VNĐ (bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm ngàn đồng Việt Nam). Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 2.234.280 cổ phần (hai triệu, hai trăm, ba mươi bốn ngàn, hai trăm tám mươi cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (mười ngàn đồng/cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại được quản lý, xử lý và hạch toán phù hợp với quy định của Điều lệ này, của các văn bản luật và hướng dẫn liên quan. (Vận dụng Điều 132, 133, 134 LDN)

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

III. Sửa đổi Khoản 4 Điều 6 : Cấp lại chứng chỉ cổ phiếu.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

....

4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Sửa đổi lại là:

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

....

4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. **(Điều 121.3b-LDN)**

IV. Sửa đổi Điều 11 Điều lệ công ty : Quyền của cổ đông

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :

a. Tham dự và phát biểu trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên** có các quyền sau :

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều **32.2** của Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 của Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá

nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Sửa đổi, bổ sung như sau (Bổ sung các mục 2i, 2j, 2k, sửa mục 2i thành 2l; sửa đổi khoản 3 của Điều này):

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :

a. Tham dự và phát biểu trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố cho cổ đông.

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của luật Doanh nghiệp.

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau : (Điều 115.2, 115.3-LDN)

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 32.3 của Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

V. Bổ sung Điều 12 : Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau :

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân (như địa chỉ, chi tiết tài khoản...) một cách chính xác để bảo đảm khi giao dịch (mua, bán cổ phần, chia cổ tức...);

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây :

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sửa đổi bổ sung (*Bổ sung khoản 5, sửa khoản 5, 6 tương ứng thành thành khoản 6, 7) như sau:*

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau :

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân (như địa chỉ, chi tiết tài khoản...) một cách chính xác để bảo đảm khi giao dịch (mua, bán cổ phần, chia cổ tức...);

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao gởi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. (Đ 119.5-LDN)

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây :

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Sửa đổi Điều 13 : Đại hội đồng cổ đông

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Kỳ họp thường niên Đại hội đồng cổ đông được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Kỳ họp thường niên Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt

thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời dự họp để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn ba (03) người;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một (01) cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điều 13.3c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.3d và Điều 13.3e.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 97.5 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4b thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3d có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 97.6 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục tiến hành kỳ họp. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành kỳ họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Sửa đổi (Bỏ 2 mục 13.3b, 13.3e, thay đổi 13.3c, 13.4) lại là:

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Kỳ họp thường niên Đại hội đồng cổ đông được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Kỳ họp thường niên Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời dự họp để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; (Đ 140.1b-LDN)

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một (01) cổ đông có liên quan; (Đ 115.2-LDN)

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điều 13.3b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.3c.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 140.3 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4b thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3c có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 140.4 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục tiến hành kỳ họp. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành kỳ họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

VII. Sửa đổi Điều 14 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên có quyền thảo luận và thông qua :
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau :
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ;
 - e. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - f. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - g. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - h. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - k. Quyết định giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - l. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - m. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - n. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây :

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Sửa đổi bổ sung : (Bổ sung 14.2f)

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên có quyền thảo luận và thông qua :

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau :

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ;
- e. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- f. Phê duyệt Quy chế quản lý nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát; (Đ 138.21 –LDN)
- g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- l. Quyết định giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây :

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

VIII. Sửa đổi Điều 17 :

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại kỳ họp *trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp* Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức kỳ họp;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất **mười lăm (15) ngày** trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại kỳ họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại **Điều 11.3** Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 17.4 trên đây trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất **10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng** theo quy định tại **Điều 11.3** Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ, kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Sửa đổi khoản 3, 4, 5b như sau :

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại kỳ họp trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức kỳ họp;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại kỳ họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận. **(Điều 143.1 –LDN)**

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 17.4 trên đây trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Điều 11.3 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ, kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

IX. Sửa đổi khoản 1 Điều 18 :

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành họp khi có số cổ đông dự họp đại diện cho **ít nhất 51%** trong số cổ phần có quyền biểu quyết.

Sửa lại là :

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

I. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành họp khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. **(Điều 155.1-LDN)**

X. Sửa đổi khoản 4 Điều 20 :

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

.....

4. Các quyết định khác ngoài quy định tại các khoản 2; 3 Điều này được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho **ít nhất 51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Sửa lại là :

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

.....

4. Các quyết định khác ngoài quy định tại các khoản 2; 3 Điều này được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. **(Điều 148.2 -LDN)**

XI. Sửa đổi Điều 31 :

Điều 31. Thư ký Công ty

Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm :

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
3. Tham dự các cuộc họp;
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

Sửa lại là :

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty

Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị để hỗ trợ công tác quản trị công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

XII. Sửa đổi khoản 1 Điều 37:

Điều 37. Quyền **điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2.

Sửa (từ “điều tra**” thành “**tra cứu**” và khoản 1) lại là :**

Điều 37. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. (Điều 115.1đ, 1e, 2a -LDN)

2.

XIII. Sửa đổi Điều 47 :

Điều 47. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua nội dung con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Sửa lại (theo Điều 43 Luật Doanh nghiệp) là:

Điều 47. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quy định việc sử dụng, quản lý và lưu giữ dấu trong Công ty theo pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM
CHỦ TỊCH

NGUYỄN QUANG TUYẾN